

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019 VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo: 2019

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 3 năm trước

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước

1.1. Giai đoạn 2016-2018

Giai đoạn 2016-2018 là giai đoạn mà Tổng công ty Viễn thông MobiFone có nhiều chuyển biến trong chiến lược kinh doanh trong đó năm 2016 là năm đầu tiên trong giai đoạn phát triển 5 năm 2016 – 2020 trong đó đẩy mạnh sản xuất kinh doanh dựa trên các trụ cột: Viễn thông & CNTT - Phân phối & Bán lẻ và Nội dung số (đa dịch vụ). Các nhà mạng đứng trước sức ép về đổi mới, cạnh tranh và đầu tư theo sự phát triển không ngừng của công nghệ và đòi hỏi khắt khe từ khách hàng.

Với rất nhiều những thách thức đó, là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong cung cấp dịch vụ thông tin di động, MobiFone đã nỗ lực hết mình để mang đến những dịch vụ tiên tiến, tạo sự hài lòng đến khách hàng. MobiFone đã đạt kết quả SXKD, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu hợp nhất phát sinh từ 2016-2018 đạt **121.509** tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế hợp nhất phát sinh từ 2016-2018 của MobiFone đạt **16.908** tỷ đồng.
- Riêng Công ty mẹ giai đoạn 2016-2018 đóng góp vào cho ngân sách nhà nước **15.951** tỷ đồng.

1.2. Năm 2019

Trong năm 2019 MobiFone đã nỗ lực thực hiện và đạt được các chỉ tiêu kinh doanh mà Ủy ban nhà nước tại doanh nghiệp giao cụ thể:

- Doanh thu hợp nhất toàn TCT thực hiện 35.534,2 tỷ đồng, doanh thu Công ty mẹ đạt 34.025,9 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 6.190,6 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ đạt 6.130,9 tỷ đồng. ✓

Các chỉ tiêu hiệu quả của MobiFone tiếp tục được duy trì và có sự tăng trưởng tốt so với năm 2018.

Trong năm 2019, MobiFone đã tập trung triển khai đầu tư mạng lõi, nâng năng lực mạng lõi có thể mở rộng phục vụ đến gần 50 triệu thuê bao 2G/3G/4G; vùng phủ sóng 3G/4G được cải thiện rõ rệt; mạng cáp quang được triển khai diện rộng, phát triển thêm gần 3.400 km cáp quang liên tỉnh, 14.500 km cáp quang nội tỉnh. MobiFone đã hoàn thiện và chính thức áp dụng hệ thống ERP theo các Module kế toán, kế hoạch, quản trị dự án trên toàn bộ các đơn vị, đây là một hệ thống công cụ quản trị hiện đại và sẽ tiếp tục được MobiFone mở rộng sang các lĩnh vực quản trị nội bộ khác trong những năm tiếp theo.

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước

2.1. Giai đoạn 2016-2018

Sau năm 2015 hoàn thiện bộ máy nhân sự và tái cấu trúc, giai đoạn 2016-2017, MobiFone tập trung vào đầu tư phát triển mạng 4G, và đã hoàn thành phát sóng hơn 12000 trạm 4G mới, nâng tổng số trạm đầu tư mới trong giai đoạn 2016-2017 lên hơn 30.000 trạm cả 3G và 4G. Trong giai đoạn này, dung lượng 4G về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu của khách hàng tại các thành phố trọng điểm. Mạng core thời điểm 2017 của MobiFone có thể đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho 46 triệu thuê bao 2G/3G, 16 triệu thuê bao sử dụng data trong đó 4 triệu thuê bao 4G.

Tổng công ty cũng đã tập trung mạnh mẽ nguồn lực để phát triển mạng truyền dẫn với khoảng 6.300 tuyến viba dung lượng cao, xây dựng mạng metro trên 24 tỉnh và hoàn thiện mạng đường trục Bắc - Nam, nhanh chóng giúp MobiFone từng bước khắc phục sự phụ thuộc đường truyền vào các nhà cung cấp dịch vụ, chủ động phát triển cơ sở hạ tầng từng bước phát triển thành Tổng công ty kinh doanh đa dịch vụ. Cũng trong giai đoạn này, MobiFone bắt đầu xây dựng các tòa nhà điều hành tại các địa bàn trọng điểm, là trụ sở làm việc và nơi lắp đặt các thiết bị cho các đơn vị, đồng thời góp phần nâng cao hình ảnh và thương hiệu của MobiFone. Đồng thời, các hệ thống Công nghệ thông tin cũng được triển khai phục vụ nhu cầu quản trị nội bộ và kinh doanh lĩnh vực CNTT của Tổng công ty.

Năm 2018, MobiFone hoàn thành triển khai lắp đặt, phát hơn 8.000 trạm 4G, đồng thời triển khai đầu tư trang bị bổ sung khoảng 7.500 trạm 4G hoàn thiện mạng lưới thông tin di động phủ sóng cả nước. Trong năm, Tổng công ty tiếp tục đầu tư mạng truyền dẫn phục vụ phát triển mạng vô tuyến 3G/4G, mở rộng băng thông kết nối và hiệu quả chi phí thuê kênh.

2.2. Năm 2019

Năm 2019 Tổng công ty đẩy mạnh hơn hoạt động đầu tư các hệ thống Công nghệ thông tin, trong đó đã hoàn thành một số hệ thống quan trọng đưa vào sử dụng như hệ thống ERP, ESB, đồng thời triển khai đầu tư các hệ thống phục vụ cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới CNTT như trung gian thanh toán, Big data... Hệ thống private cloud đang được đẩy nhanh tiến độ để đưa vào khai thác sớm, đáp ứng nhu cầu hạ tầng phân cứng và tiết giảm chi phí đầu tư máy chủ, chi phí thuê hỗ trợ kỹ thuật. Bên cạnh đó, Tổng công ty đã phát triển các hệ thống phần mềm phục vụ nội bộ có chất lượng cao như hệ thống văn bản điện tử (e-office).

Đối với mạng vô tuyến, trong năm 2019 MobiFone hoàn thành triển khai lắp đặt, phát sóng hơn 7.400 trạm 4G, nâng tổng số trạm 4G hết năm 2019 đạt khoảng 28.000 trạm. MobiFone cũng định hướng tiếp tục mở rộng kinh doanh lĩnh vực truyền dẫn và triển khai kinh doanh băng rộng cố định.

3. Những thay đổi chủ yếu

Phát huy lợi thế về nguồn nhân lực, có điều kiện tiếp cận sớm với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0), MobiFone đã tập trung nguồn lực, bước đầu triển khai và đạt thành tựu trong việc ứng dụng điện toán đám mây, trí thông minh nhân tạo AI, phân tích dữ liệu lớn,... cụ thể qua các dịch vụ truyền thanh thông minh được Bộ TTTT khuyến khích các địa phương triển khai, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên các website của lĩnh vực báo chí, trợ lý ảo,... MobiFone đã xác định sẽ là một trong các doanh nghiệp đi đầu trong chuyển đổi số từ các lĩnh vực cơ bản trong quản lý điều hành nội bộ đến các lĩnh vực chuyên sâu. Phong trào đề xuất các ý tưởng cho chuyển đổi số đã được toàn thể người lao động của MobiFone tham gia hưởng ứng; kết quả của những ý tưởng chuyển đổi số có những kết quả được áp dụng ngay, có những ý tưởng được dần hiện thực hóa trong quá trình sản xuất kinh doanh của MobiFone.

Một số sản phẩm, dịch vụ nổi bật như: hệ thống ứng Airtime, đại lý online TeleSale, MobiFone GO, Quảng cáo di động Alivar... cho khách hàng cá nhân; công thông tin điện tử, hệ thống quản lý tài liệu điện tử, chữ ký số, AI Camera... cho khách hàng doanh nghiệp

Giá trị thương hiệu của MobiFone tăng dần qua các năm (theo các đánh giá của Brand Finance, Forbes...), danh hiệu nhà mạng có chất lượng mạng tốt nhất tại nhiều thị trường trọng điểm, Danh hiệu Nhà mạng CSKH tốt nhất trong nhiều năm, lọt vào danh sách 1 trong những công ty có môi trường làm việc được ưa chuộng nhất tại VN.

Từ năm 2018, mạng lưới của MobiFone đã hoàn thành khai báo sẵn sàng cho IPv6 theo cơ chế Dualstack IPv4v6. việc triển khai IPv6 sẽ giảm bớt gánh nặng tài nguyên IPv4 cạn kiệt khi số lượng thuê bao data tăng nhanh, đồng thời cho phép phát

triển các loại hình dịch vụ mới trong cuộc cách mạng 4.0 như IoT, thực tế ảo, thành phố thông minh (smart city), chuyển đổi số...MobiFone cũng là nhà mạng được nhận giải thưởng của Bộ TT&TT về ứng dụng và triển khai IPv6 tại Việt Nam.

MobiFone đang ngày càng tối ưu hóa về cơ cấu tổ chức theo các lĩnh vực Kinh doanh, tạo sản phẩm, Kỹ thuật – Công nghệ, Đầu tư – Phát triển mạng và Khôi hỗ trợ. Trong đó, tập trung theo hướng tinh gọn tổ chức, nâng cao NSLĐ các lĩnh vực truyền thống để dồn nguồn lực phát triển và mở rộng lĩnh vực mới.

Đặc biệt, tháng 8/2019, MobiFone đã phát triển và triển khai thành công các ứng dụng, giải pháp trên nền tảng xử lý tiếng nói trí tuệ nhân tạo MobiFone TTS (Text to Speech). Giải pháp báo nói ứng dụng MobiFone TTS được nhiều đơn vị tín nhiệm tích hợp như báo Lao động, báo Công luận, báo Đầu tư... Công nghệ MobiFone TTS còn được triển khai trong các hoạt động xã hội và nội bộ như thực hiện cuộc gọi cá nhân hóa đầu số 090 thông báo nhanh chóng, chính xác điểm thi tới gần 60.000 thuê bao MobiFone và các mạng khác đăng ký nhận điểm thi THPT Quốc gia 2019; triển khai các chiến dịch xin ý kiến, chăm sóc khách hàng MobiFone.

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh và một số triển vọng trong tương lai

Giai đoạn 2018-2020, cùng với việc cơ quan quản lý viễn thông Việt Nam triển khai hàng loạt chính sách thúc đẩy lành mạnh hóa thị trường di động như: siết chặt việc quản lý thông tin người dùng, triển khai áp dụng chuyển mạng giữ số, điều chỉnh chính sách kết nối, thúc đẩy triển khai 5G, thúc đẩy triển khai Mobile Money, M2M, IoT,... Bên cạnh cùng với việc chính thức trở thành thành viên của Hiệp định CPTPP, EVFTA và quyết tâm của Chính phủ Việt Nam tạo sự bứt phá trong cuộc cách mạng 4.0 đã và đang tạo ra những tiền đề cơ hội cho sự chuyên dịch và phát triển của các nhà mạng viễn thông nói chung và các nhà khai thác di động nói riêng.

Năm 2019 bên cạnh những cơ hội nhưng các doanh nghiệp viễn thông cũng gặp nhiều thách thức chung:

a) Cơ hội:

- ✓ Xu hướng tăng nhanh của thị trường Mobile game hay quảng cáo số (tỷ lệ người dùng ở Việt Nam nhận thức quảng cáo về các sản phẩm/dịch vụ qua Internet chiếm ưu thế lớn), thanh toán di động (Mobile payment) hay hoạt động trung gian thanh toán có tiềm năng tăng trưởng và nhiều hứa hẹn.
- ✓ Với dự báo tốc độ tăng trưởng data tại thị trường Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh (22,5%) là cơ hội cho các doanh nghiệp di động.

b) Thách thức

- ✓ Xu hướng tăng trưởng dịch vụ data, cơ cấu tiêu dùng của khách hàng, MobiFone cần phải nhanh chóng mở rộng hơn nữa vùng phủ sóng, hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, bán hàng, chăm sóc khách hàng để giữ chân và thu hút khách hàng.
- ✓ Ảnh hưởng âm đến kết quả SXKD từ các chính sách của Bộ TT&TT: giảm cước kết nối, đấu giá băng tần, doanh nghiệp chiếm thị phần không chế.
- ✓ Ảnh hưởng của việc tạm dừng triển khai dịch vụ gạch game/gạch thẻ; hành lang pháp lý không rõ ràng cho việc dùng thẻ/tài khoản viễn thông cho các hoạt động thanh toán dịch vụ nội dung số.
- ✓ Ảnh hưởng của việc điều chỉnh tăng thuế/phí sử dụng đất, giá điện, nhiên liệu và mức lương tối thiểu vùng dẫn đến chi phí của các doanh nghiệp tăng cao.

Từ đầu năm 2020 đến nay dịch bệnh Covid – 19 đã lây lan tại nhiều nước trên thế giới và có diễn biến phức tạp, khó lường. Tại Việt Nam, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ ngày 01/4/2020. Nay các biện pháp cách ly xã hội đã được gỡ bỏ tuy nhiên việc hạn chế ở các biên giới đường bộ và đường không hiện nay đang được kiểm soát chặt chẽ. Cũng như các doanh nghiệp khác trong giai đoạn giãn cách xã hội các hoạt động sản xuất kinh doanh của MobiFone bị ảnh hưởng.

Đến nay cơ bản tình hình dịch bệnh ở Việt Nam đã được khống chế, các hoạt động sản xuất kinh doanh đang dần dần phục hồi tuy nhiên vẫn còn khá dè dặt.

Bên cạnh những khó khăn nhưng cũng có những triển vọng trong tương lai với các điểm sáng như MobiFone đã cấp giấy phép triển khai thương mại 5G và đã thử đã triển khai thử nghiệm mạng 5G tại Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, và Hải Phòng. Trong quá trình thử nghiệm, MobiFone đã làm việc với các nhà cung cấp thiết bị, dịch vụ 5G lớn trên thế giới, nhằm đánh giá toàn diện khả năng đáp ứng, chất lượng dịch vụ cũng như các vấn đề phát sinh khi triển khai mạng 5G trên diện rộng. MobiFone cũng đang thực hiện các thủ tục xin cấp phép Mobile Money làm cơ sở cho triển khai các dịch vụ trung gian thanh toán. MobiFone cũng đang trong lộ trình triển khai cổ phần hóa với tiềm năng thay đổi cơ cấu quản trị thông qua đối tác chiến lược... ✓

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Danh sách các công ty con MobiFone nắm trên 50% vốn điều lệ (năm 2019):

Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Tỷ lệ sinh lời trên vốn điều lệ (%)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone (MobiFone Service) (*)	70,63	30,65	43,40%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu (MobiFone Global)	146,06	26,19	17,93%
Công ty Cổ phần dịch vụ gia tăng MobiFone (MobiFone Plus)	106,00	3,15	2,97%

Ghi chú: (*) MobiFone nắm quyền chi phối các vấn đề trọng yếu ✓

Biểu số 1
MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Dịch vụ	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)	+ Viễn thông + CNTT + Phân phối và bán lẻ + Nội dung số (đa dịch vụ)
2	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	38.420	44.206	38.883	35.534
3	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	Tỷ đồng	5.347	5.642	5.919	6.190,6
4	Nộp ngân sách Công ty mẹ	Tỷ đồng	4.972	5.148	5.831	5.882
5	Kế hoạch vốn đầu tư phát triển	Tỷ đồng	5.743	7.611	4.635	4.248
a)	- Nguồn ngân sách	“				
b)	- Vốn doanh nghiệp	“	5.743	7.611	4.635	4.248
6	Tổng số lao động	Người	4.105	4.109	3.904	4.015
7	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng				
a)	Quỹ lương quản lý chuyên trách	Tỷ đồng	7,5	8,3	7,87	7,0
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	1.040	1.124	1.167	1.200

Ghi chú:

(*): Số liệu tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và kế hoạch năm 2019 của Tổng công ty được Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tạm xác định tại văn bản số 2094/UBQLV-TCCB và 2101/UBQLV-TCCB ngày 20/12/2019.

(**): Năm 2018, 2019 MobiFone tạm thời chưa chi thường cho người quản lý. ✓

Biểu số 2

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)												
2.1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	61,42	31,3%	19,20	70,63	31,3%	22,08	70,63	31,3%	22,08	70,63	31,3%	22,08
2.2	Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	128,80	69,4%	89,41	139,10	69,4%	96,56	146,06	69,4%	101,39	146,06	69,4%	101,39
2.3	Công ty Cổ phần dịch vụ gia tăng MobiFone	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00	106,00	96,2%	102,00